

Ranh giới giữa bảo tồn qua gìn giữ bản sắc và phát huy qua trình diễn các giá trị văn hóa Raglai ở Khánh Hòa

Ngô Thị Phương Lan, Nguyễn Mai Huy*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc phát huy giá trị văn hóa trong phát triển du lịch ngày càng được nhìn nhận như một giải pháp kép: vừa góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, vừa bảo tồn và khẳng định bản sắc dân tộc. Tuy nhiên, một trong những thách thức nổi bật của giải pháp này là việc xác định "ranh giới" giữa việc giữ gìn tính nguyên bản hay bản sắc văn hóa và việc trình diễn văn hóa trong các hoạt động du lịch. Bằng khảo sát định tính tại xã Bắc Ái Tây, tỉnh Khánh Hòa (từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2025) với phương pháp quan sát tham dự và phỏng vấn sâu, bài viết tiếp cận văn hóa Raglai như một di sản sống, được duy trì và tái tạo liên tục trong đời sống cộng đồng. Kết quả nghiên cứu cho thấy văn hóa tộc người không tồn tại như một thực thể bất biến, mà được tái sản xuất và lưu truyền thông qua các thực hành xã hội đa dạng. Tiếp cận từ khái niệm trình diễn văn hóa (cultural performance) của Clifford Geertz (1973), bài viết xem các giá trị văn hóa của người Raglai được chuyển tải trong các hoạt động du lịch như một hình thức biểu đạt dưới dạng "văn bản văn hóa" (cultural text). Theo đó, văn hóa người Raglai hiện nay có thể được xem như một hệ thống biểu tượng do tộc người kiến tạo để vừa củng cố bản sắc nội tại, vừa để giao tiếp và chia sẻ với thế giới bên ngoài. Phân tích cho thấy "ranh giới" giữa bản sắc và trình diễn không mang tính rạch ròi, mà là một vùng giao thoa linh hoạt: bản sắc ngoài việc được giữ lại trong các yếu tố thiêng, trong cảm thức căn tính của cộng đồng, thì đồng thời cũng được mở rộng và tái tạo thành các hình thức biểu đạt mới phù hợp với thị hiếu du khách và điều kiện kinh tế - xã hội.

Từ khoá: bản sắc văn hóa, trình diễn văn hóa, người Raglai, di sản sống

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, văn hóa đang dần được nhìn nhận như một nguồn lực chiến lược cho phát triển bền vững. Ở nhiều quốc gia, du lịch văn hóa đã trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn, quảng bá và lan tỏa giá trị bản sắc dân tộc. Ở Việt Nam, chủ trương phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn đã được khẳng định trong Nghị quyết số 08-NQ/TW (2017) của Bộ Chính trị, trong đó nhấn mạnh mối quan hệ chặt chẽ giữa phát triển du lịch với bảo tồn di sản và bảo vệ môi trường.¹ Đặc biệt, Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 (Quyết định 147/QĐ-TTg, 2020) xác định rõ định hướng phát triển sản phẩm du lịch đặc thù gắn với tài nguyên văn hóa - sinh thái vùng miền.²

Trong bối cảnh đó, các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam với kho tàng văn hóa phong phú được xem như những nguồn lực quý giá cho phát triển du lịch văn hóa - cộng đồng. Tuy nhiên, việc khai thác các giá trị văn hóa bản địa vào hoạt động du lịch đặt ra một loạt vấn đề lý luận và thực tiễn. Một mặt, bảo tồn yêu cầu gìn giữ tính nguyên bản, sự chân thực và ý nghĩa

thiên nhiên của các thực hành văn hóa, một mặt yêu cầu phát huy đòi hỏi sự điều chỉnh, chọn lọc và trình diễn để đáp ứng thị hiếu du khách, vốn rất đa dạng, để tạo ra các giá trị kinh tế - xã hội. Hay nói cách khác, việc xác định "ranh giới" giữa bảo tồn và phát huy, cụ thể là việc xác định đâu là giới hạn cần tôn trọng, đâu là không gian có thể sáng tạo và biến đổi để thích ứng với bối cảnh mới là một nhu cầu có tính cấp thiết.

Là một trong những dân tộc thuộc nhóm ngữ hệ Nam Đảo, người Raglai tại tỉnh Khánh Hòa có đời sống văn hóa đặc sắc, gắn bó mật thiết với không gian núi rừng Nam Trung Bộ. Hệ thống giá trị văn hóa của người Raglai bao gồm từ tri thức canh tác, hình thức cư trú nhà sàn, nghệ thuật âm thực đặc sắc chịu ảnh hưởng của vùng rừng núi, tín ngưỡng đa thần, kho tàng văn học dân gian với lối kể chuyện sử thi, nghệ thuật âm nhạc với dàn âm nhạc mã la, dàn chapi, cấu trúc xã hội mẫu hệ, v.v. Trong nhiều năm qua, các giá trị mang đậm bản sắc tộc người đó đã và đang được đưa vào không gian du lịch dưới nhiều hình thức như tổ chức lễ hội văn hóa Raglai, trình diễn nhạc cụ và múa truyền thống mã la, xây dựng nhà sàn kinh doanh lưu trú (homestay), giới thiệu sản phẩm thủ công, ẩm thực bản địa, v.v. Quá trình xây dựng các sản phẩm

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Mai Huy, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: nguyenmai.huy@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 27-09-2025
- Ngày sửa đổi: 03-12-2025
- Ngày chấp nhận: 25-12-2025
- Ngày đăng: x

DOI: x



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: N T P L, N M H. Ranh giới giữa bảo tồn qua gìn giữ bản sắc và phát huy qua trình diễn các giá trị văn hóa Raglai ở Khánh Hòa. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; x(x):x-x.

du lịch dựa trên nguồn tài nguyên văn hóa tộc người Raglai cũng giống như ở các tộc người khác đã đối mặt với một nan đề đó là sự căng thẳng giữa yêu cầu bảo tồn căn tính tộc người (identity), sự nguyên bản và nhu cầu phát huy qua trình diễn phục vụ du lịch.

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tình hình nghiên cứu vấn đề

Vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa đã được nhiều học giả và các tổ chức quốc tế quan tâm, tiếp cận dưới các góc độ khác nhau như di sản, du lịch, công nghiệp văn hóa, cũng như mối quan hệ giữa văn hóa - xã hội - tự nhiên. Judith Alfrey và Tim Putnam (1992) qua công trình *The Industrial Heritage: Managing Resources and Uses* hay Ashworth G.J. và Larkham P.J. (1994) với công trình *Building a New Heritage: Tourism, Culture and Identity in the New Europe* xem di sản như một ngành công nghiệp văn hóa. Các tác giả này chỉ ra rằng, quản lý di sản có thể vận hành tương tự như quản lý các ngành công nghiệp, đòi hỏi phương thức chuyên biệt nhằm vừa khai thác, vừa duy trì giá trị văn hóa. Cách tiếp cận này đặt nền tảng cho việc nhìn nhận di sản như một tài nguyên kinh tế - văn hóa có thể đóng góp trực tiếp vào phát triển xã hội.^{3,4} Tương tự, công trình *Heritage Visitor Attractions: An Operations Management Perspective* của Leask & Yeoman (1999) nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa di sản và du lịch. Các tác giả cho là những hoạt động thành công là những hoạt động đạt được sự cân bằng giữa bảo tồn và phát triển, bảo đảm rằng di sản vừa được gìn giữ, vừa được khai thác như một sản phẩm du lịch)⁵, tr.8]. Như vậy, mối quan hệ gắn bó giữa di sản và du lịch, trong đó lợi ích kép luôn được nhìn nhận ở khía cạnh di sản vừa đem lại trải nghiệm văn hóa độc đáo cho du khách, vừa tạo nguồn lợi ích thiết thực cho cộng đồng sở hữu. Chính mối quan hệ này đặt ra nhu cầu văn hóa trở thành nền tảng cho tính đặc thù của sản phẩm du lịch, đồng thời đặt ra nhiệm vụ cần phải xác định sự tương tác giữa bảo tồn và phát huy, đặc biệt trong bối cảnh du lịch văn hóa ngày càng giữ vai trò như một ngành kinh tế mũi nhọn ở nhiều quốc gia.

Ở khía cạnh thực tiễn, các tổ chức quốc tế như UNESCO và ICOMOS đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn liên quan đến việc quản lý và khai thác di sản văn hóa trong phát triển du lịch như *International Cultural Tourism Charter* (ICOMOS, 2002), *Managing Natural World Heritage* (UNESCO, 2012), *Managing Cultural World Heritage* (UNESCO, 2013). Cụ thể là các nội dung hướng dẫn xây dựng cơ chế bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, sự tham gia của cộng

đồng địa phương, cho đến việc xác định mô hình quản trị bảo đảm tính bền vững lâu dài trong khai thác du lịch. Các tài liệu này đóng vai trò như cẩm nang tham khảo cho nghiên cứu và hoạch định chính sách, đồng thời là hướng dẫn vận hành giúp chuyển hóa giá trị văn hóa thành nguồn lực phát triển du lịch mà vẫn bảo đảm nguyên tắc quản lý di sản, đó là nhấn mạnh vai trò của cộng đồng bản địa, tính bền vững và mối quan hệ gắn bó giữa văn hóa - kinh tế.

Trong bối cảnh Việt Nam, các công trình nghiên cứu cũng tập trung vào các vấn đề khai thác, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong mối quan hệ với phát triển du lịch, quy hoạch đô thị và hội nhập quốc tế. Nhiều tác giả trong nước nhìn nhận vai trò của văn hóa như một nguồn lực quan trọng cho phát triển du lịch, đồng thời chỉ ra những bất cập trong quá trình khai thác. Vinh Quang Lê (2013) trong bài viết “Quản lý - Khai thác giá trị văn hóa ở các vùng văn hóa phục vụ phát triển du lịch” đã cảnh báo tình trạng khai thác văn hóa quá mức, dẫn đến xu hướng thực dụng và làm biến đổi lối sống cộng đồng. Tác giả đề xuất quản lý và khai thác phải gắn liền với việc sưu tầm, bảo tồn, phổ biến các giá trị đặc trưng của từng vùng, qua đó tạo nên sự hấp dẫn bền vững cho khách du lịch.⁶ Nguyễn Thị Kim Liên (2017) trong bài viết “Khai thác các giá trị văn hóa trong phát triển du lịch” nhấn mạnh tính tương hỗ giữa văn hóa và du lịch: văn hóa làm phong phú sản phẩm du lịch, trong khi du lịch góp phần quảng bá văn hóa. Theo tác giả, cần có sự chọn lọc để khai thác những giá trị đặc sắc, phù hợp, đồng thời gắn kết với xúc tiến và quảng bá để nâng cao sức cạnh tranh.⁷

Đối với vấn đề bảo tồn di sản gắn với phát triển xã hội đương đại cũng được nhiều học giả Việt Nam đề cập. Lưu Trần Tiêu (2002) với bài viết “Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Việt Nam” nhấn mạnh bảo tồn phải đồng bộ trên ba phương diện: pháp lý - khoa học, vật chất - kỹ thuật, và sử dụng di tích trong đời sống xã hội.⁸ Đây là cơ sở lý luận quan trọng để hiểu bảo tồn không tách rời với phát huy, đồng thời gắn chặt với khung pháp lý quốc gia và quốc tế. Một số công trình khác, tập trung vào lý luận và hệ thống giá trị văn hóa như Ngô Đức Thịnh với *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam* (2006) đặt ra quan niệm văn hóa trong quan hệ với sinh thái, tộc người và xã hội. Cách tiếp cận hệ thống và liên ngành của tác giả tạo cơ sở quan trọng để nhận diện và phát huy giá trị văn hóa trong bối cảnh hội nhập.⁹ Đáng chú ý, Trần Ngọc Thêm qua hai công trình *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam* (1996) và *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai* (2016) đã đặt cơ sở cho việc nhận diện bản sắc và hệ giá trị văn hóa Việt Nam. Các công trình này cung cấp cơ sở khoa

học để luận giải các mối quan hệ văn hóa, cũng như sự biến đổi giá trị trong bối cảnh hiện đại hóa và toàn cầu hóa, làm nền tảng để xác định vùng giao thoa giữa bảo tồn bản sắc văn hóa và trình diễn các giá trị văn hóa trong khai thác, phát triển du lịch.^{10 11}

Tiếp cận các giá trị văn hóa như một di sản sống, Hoàng Cẩm và Peter Bille Larsen (2005) nghiên cứu điệu múa Xòe Thái trong bài viết “Revisiting Agency and Marginality in Northern Vietnam: Thái Xòe Between Cosmology, Heritage Performance, and Politics”. Bài viết xem Xòe Thái không chỉ là một hình thức múa dân gian mà là một thực hành di sản đa tầng, vừa mang tính nghi lễ gắn với vũ điệu của thần linh, vừa mang tính trình diễn phục vụ du lịch, lễ hội và chính trị văn hóa. Khác với nhiều nghiên cứu trước thường nhấn mạnh sự áp đặt từ trên xuống trong chính sách di sản, nghiên cứu này chỉ ra sự tồn tại song song và tương tác giữa các quá trình chuẩn hóa, nhà nước hóa (governmentalization) và các thực hành nghi lễ tại chỗ dựa trên vũ trụ quan Thái. Nghiên cứu cũng chỉ ra tính hai mặt của trình diễn di sản: ở cấp quốc gia, Xòe được chuẩn hóa thành “nghệ thuật Xòe Thái” để phục vụ du lịch và khẳng định tinh thần đoàn kết dân tộc; trong khi ở cấp cộng đồng, vẫn tồn tại những hình thức Xòe trong thực hành nghi lễ gắn tín ngưỡng, mang ý nghĩa chữa bệnh và kết nối vũ trụ. Sự giằng co này cho thấy quá trình “di sản hóa” không triệt tiêu tính linh thiêng, mà tạo ra những không gian thương thảo giữa chính quyền, cộng đồng và thị trường văn hóa. Từ góc nhìn này, nghiên cứu đóng góp vào thảo luận quốc tế về di sản như một dạng thức trình diễn (heritage as performance) và chính trị di sản (heritage politics), đồng thời cung cấp trường hợp điển hình về việc trình diễn di sản vừa là sản phẩm chính sách, vừa là phương tiện để cộng đồng Thái tái khẳng định tiếng nói và bản sắc của mình trong bối cảnh toàn cầu hóa.¹²

Tiếp cận văn hóa như hệ thống biểu tượng (symbols), tập hợp các văn bản (assemblage of texts) và có tính biểu đạt qua trình diễn văn hóa (cultural performance)

Clifford Geertz (1973) xem văn hóa như một hệ thống những “mạng lưới ý nghĩa” (webs of significance) mà con người tạo dựng và bị bao bọc trong đó^[13, tr.5]. Việc nghiên cứu văn hóa vì vậy không nhằm tìm kiếm những quy luật phổ quát mà là một khoa học diễn giải, tập trung vào việc “giải mã” (decipher) các biểu tượng, nghi lễ, và thực hành xã hội để làm rõ ý nghĩa mà cộng đồng gán cho chúng^[13, tr.10]. Với hướng tiếp cận diễn giải này, để hiểu văn hóa của tộc người ở tầng sâu ý nghĩa, chúng ta có thể coi toàn bộ đời sống văn

hóa - từ hệ thống nghi lễ đến sinh hoạt, hay kiến trúc nhà ở, tri thức bản địa về canh tác như tập hợp các văn bản (assemblage of texts) cần được đọc và lý giải. Hệ thống biểu tượng này cần được chuyển tải, diễn dịch để được hiểu đúng và cảm nhận sâu sắc trong bối cảnh của chủ thể kiến tạo. Mỗi nghi lễ, lễ hội hay thực hành văn hóa cộng đồng có thể được xem như một “bản thảo sống” (living manuscript), nơi nhà nghiên cứu và nhà quản lý du lịch cần “chép lại” và “giải mã” một cách trung thực, nhằm vừa bảo tồn bản sắc vừa tạo điều kiện để văn hóa ấy trở thành nguồn lực cho phát triển du lịch bền vững^[13, tr.5-10].

Nếu xem văn hóa là một hệ thống mạng lưới các ý nghĩa thì để hiểu được các ý nghĩa này, các giá trị văn hóa phải được thể hiện hay biểu đạt ra bên ngoài qua trình diễn văn hóa (cultural performance). Đây là thuật ngữ xuất hiện và được định hình từ nửa sau thế kỷ XX, gắn với nhiều học giả khác nhau. Trong công trình *When a Great Tradition Modernizes* (1972), Milton Singer được xem là người đầu tiên hệ thống hóa khái niệm này. Singer sử dụng khái niệm trình diễn văn hóa để chỉ những sự kiện văn hóa mang tính nghi thức, được tổ chức theo một khuôn mẫu xác định và được trình diễn trước công chúng, nơi các giá trị và niềm tin của cộng đồng được phô diễn và củng cố, được trình hiện thông qua các thành tố: người tham gia, khán giả, bối cảnh và ý nghĩa xã hội^[14, tr.71-72]. Tiếp theo đó, trong thập niên 1970-1980, Victor Turner đã mở rộng và tái định nghĩa thuật ngữ “cultural performance” trong khuôn khổ lý thuyết trình diễn (performance theory). Xuất phát từ các nghiên cứu về nghi lễ và quá trình xã hội trong tác phẩm *From Ritual to Theatre* (1982), Turner xem các khủng hoảng xã hội (social dramas) tức là những xung đột và khủng hoảng xã hội được công khai hóa như những “vỡ kịch” có cấu trúc bốn giai đoạn: vi phạm (breach), khủng hoảng (crisis), hành động khắc phục (redressive action), và tái hòa giải (reintegration) hoặc rạn nứt vĩnh viễn (schism)^[15, tr.37]. Trong cách tiếp cận này, trình diễn văn hóa (cultural performance) không chỉ đơn thuần là những sự kiện mang tính văn hóa công khai như hướng tiếp cận của Singer, mà trở thành một không gian biểu tượng nơi các giá trị, niềm tin và trật tự xã hội được thể hiện, thử thách và tái thương thảo. Turner nhấn mạnh rằng nghi lễ, kịch nghệ hay trình diễn dân gian đều có thể được hiểu như “phòng thí nghiệm xã hội” (social laboratory), nơi cộng đồng vừa phơi bày những căng thẳng nội tại vừa tìm kiếm phương thức tái cấu trúc quan hệ xã hội^[16, tr.11].

Tiếp cận ở góc độ biểu tượng, Clifford Geertz trong *The Interpretation of Cultures* (1973) đã sử dụng

và phân tích trực tiếp thuật ngữ này trong bối cảnh nghiên cứu nghi lễ và tôn giáo. Geertz cho rằng: "religious rituals are full-blown ceremonies 'cultural performances'... which represent not only the point at which the dispositional and conceptual aspects of religious life converge for the believer, but also the point at which the interaction between them can be most readily examined by the detached observer" (tạm dịch: Nghi lễ tôn giáo là những nghi lễ hoàn chỉnh - là sự "trình diễn văn hóa" - không chỉ thể hiện là điểm hội tụ giữa các khía cạnh có tính sắp đặt và mang tính trừu tượng của đời sống tôn giáo đối với người tín hữu, mà còn là nơi mà sự tương tác giữa chúng có thể được quan sát rõ nhất dưới cái nhìn khách quan của các nhà nghiên cứu)[¹³, tr.113].

Ở đây, Geertz nhấn mạnh, nghi lễ tôn giáo không chỉ là sự tái hiện bề mặt, mà còn là hình thức biểu đạt ý nghĩa, nơi cộng đồng vừa khẳng định bản sắc nội tại, vừa truyền đạt giá trị ra thế giới bên ngoài, đồng thời cũng tạo nên khung quan sát thuận lợi cho nhà nghiên cứu.

Khi nghiên cứu việc phát huy các giá trị văn hóa bản địa bằng cách chuyển tải vào trong hoạt động du lịch, chúng tôi tập trung vào tính biểu đạt của các giá trị văn hóa. Theo đó, trình diễn văn hóa không chỉ như một hình thức biểu diễn, mà coi đó là một mã biểu đạt ý nghĩa. Hay nói cách khác, việc trình diễn các giá trị văn hóa có thể được xem như một tiến trình vừa nội tại hóa bản sắc, vừa truyền đạt thông điệp ra bên ngoài để lan tỏa các giá trị văn hóa. Như vậy có thể nói, trình diễn văn hóa được xem là nơi mà bản sắc, tính thiêng và sự tương tác xã hội luôn được tái tạo và thương thảo không ngừng.

Phương pháp nghiên cứu

Cách tiếp cận

Nghiên cứu áp dụng hướng tiếp cận nhân học văn hóa, coi văn hóa Raglai là một di sản sống, vận động trong không gian xã hội đương đại. Mục tiêu không chỉ mô tả mà còn giải thích cơ chế biến đổi và tái tạo bản sắc khi văn hóa bước vào môi trường du lịch.

Địa bàn nghiên cứu

Khảo sát được tiến hành tại xã Bác Ái Tây, tỉnh Khánh Hòa từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2025. Đây là khu vực có mật độ cư trú tập trung của người Raglai đông nhất của tỉnh Khánh Hòa. Bác Ái Tây được sáp nhập từ 3 xã Phước Hòa, Phước Bình, Phước Tân (tỉnh Ninh Thuận cũ). Theo số liệu thống kê dân số năm 2019 của Tổng cục Thống kê, Bác Ái Tây hiện tại là xã có số lượng người Raglai đông nhất tỉnh Khánh Hòa. Dựa trên các nguồn thống kê gần đây, toàn xã hiện có trên

10.800 nhân khẩu, trong đó đồng bào Raglai chiếm hơn 80%, ước tính khoảng hơn 8.600 người, từ việc cộng dân số 3 xã cũ trước khi được sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết 1667.^{17,18}

Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu

Để tìm hiểu cách thức xác định ranh giới giữa vấn đề bảo tồn và phát huy khi chuyển tải các giá trị văn hóa cộng đồng Raglai vào sản phẩm du lịch, chúng tôi đã khảo sát định tính với các phương pháp quan sát tham dự và phỏng vấn sâu tại xã Bác Ái Tây (Khánh Hòa). Chúng tôi đã tiến hành 32 cuộc phỏng vấn với các cán bộ quản lý, nhà khoa học, công ty lữ hành, người dân Raglai với các chủ đề về các thực hành văn hóa, bản sắc văn hóa, quan điểm về việc đưa các giá trị văn hóa vào trong các hoạt động du lịch, sự sẵn sàng tham gia vào hoạt động du lịch, tính cộng đồng, thực trạng việc chuyển tải các giá trị văn hóa người Raglai vào hoạt động du lịch, định hướng phát triển du lịch, v.v. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện bằng tiếng Việt do người Raglai có thể giao tiếp bằng tiếng Việt. Đối với một số trường hợp, chúng tôi nhờ đến sự hỗ trợ của thanh niên và trí thức người Raglai để chuyển tải ngôn ngữ. Các dữ liệu phỏng vấn sâu đã được mã hóa theo các chủ đề, được hệ thống hóa và khái quát tổng hợp để phát hiện các vấn đề từ thực tiễn.

Để củng cố dữ liệu phỏng vấn sâu, chúng tôi đã tiến hành quan sát các hoạt động kinh tế và văn hóa của người Raglai tại địa bàn, đặc biệt là quan sát các trình diễn văn hóa hiện nay trong hoạt động du lịch, các thực hành văn hóa trong bối cảnh của cộng đồng. Từ dữ liệu thu thập được cùng với việc tham khảo và so sánh đối chiếu với các công trình trước đó và báo cáo của chính quyền địa phương, bài viết phân tích bản chất "ranh giới" giữa bảo tồn qua gìn giữ và phát huy qua trình diễn các giá trị văn hóa trong phát triển du lịch ở địa phương hiện nay.

Ích hạn và đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu có một số giới hạn: (1) thời gian khảo sát chưa đủ một chu kỳ của một năm hoạt động của cộng đồng để có thể trực tiếp tham gia quan sát tất cả các hoạt động; (2) phạm vi địa bàn tập trung chủ yếu tại Bác Ái Tây, chưa phản ánh đầy đủ sự đa dạng giữa các nhóm Raglai ở Khánh Hòa. Tuy nhiên, bằng việc kết hợp tư liệu thứ cấp, các đợt khảo sát không liên tục trước đó, nghiên cứu vẫn đảm bảo độ tin cậy trong so sánh dữ liệu và phân tích.

Về đạo đức nghiên cứu, nghiên cứu tuân thủ nguyên tắc: thông tin đầy đủ và có sự đồng thuận tham gia tự nguyện; bảo mật danh tính và ẩn danh trong quá trình công bố dữ liệu; tôn trọng cộng đồng và không

sử dụng thông tin theo cách gây bất lợi cho người cung cấp.

Đóng góp chính của nghiên cứu gồm: (1) Về lý luận, bổ sung cách hiểu động về “ranh giới” giữa tính nguyên bản và tính trình diễn, coi đó là vùng giao thoa được thương lượng liên tục giữa các bên liên quan. Đây là phương pháp luận để chuyển tải các giá trị văn hóa bản địa thành các sản phẩm du lịch; (2) Về thực tiễn, cung cấp phương pháp luận chuyển tải các giá trị văn hóa vào sản phẩm du lịch với nguyên tắc cộng đồng thể hiện vai trò chủ thể, không gian bản địa được tôn trọng và lợi ích kinh tế gắn liền với lợi ích văn hóa.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tổng quan về văn hóa Raglai ở Khánh Hòa

Người Raglai là một trong những cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam, thuộc nhóm ngữ hệ Nam Đảo, có quá trình cư trú lâu đời tại khu vực Nam Trung Bộ, phân bố thành một dải vòng cung theo triển núi phía đông và hướng ra biển. Trong các nghiên cứu về nguồn gốc của tộc người này, tuy còn tồn tại những quan điểm khác nhau, nhưng có thể khẳng định người Raglai đã sinh sống từ lâu đời trên các dãy núi phía Nam và Đông Nam Trường Sơn, thuộc khu vực Tây Nguyên và vùng phụ cận. Người Raglai sống tập trung nhất là miền núi phía tây hai tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận (cũ) (nay là tỉnh Khánh Hòa) và một số sống rải rác ở các vùng phía nam tỉnh Bình Thuận và Lâm Đồng.^{19 20}

Là một thành phần trong nhóm ngôn ngữ Malayo-Polynesian ở Việt Nam, người Raglai ở Khánh Hòa có sự gắn kết mật thiết với các cộng đồng khác cùng hệ ngôn ngữ, đồng thời duy trì mối quan hệ giao lưu văn hóa với các tộc người cận cư như Kinh, K'ho hay Chu Ru [²¹, tr.5]. Đặc điểm cư trú của họ thường gắn kể hoặc xen cài với các nhóm dân cư khác, tạo điều kiện cho sự tương tác trên nhiều phương diện, từ hoạt động kinh tế cho đến đời sống văn hóa và xã hội. Tuy vậy, mức độ tiếp xúc và sự giao lưu này không diễn ra đồng nhất giữa các nhóm Raglai, mà có sự khác biệt tùy thuộc vào từng khu vực cư trú cũng như điều kiện lịch sử và xã hội cụ thể.

Về mức độ khái quát, có thể chia cộng đồng người Raglai ở Khánh Hòa thành hai nhóm nhỏ căn cứ vào mức độ giao tiếp và địa bàn cư trú như sau:

Nhóm thứ nhất gắn gũi với người Ê-đê ở thị xã Ninh Hòa cũ (nay là các xã, phường: Bắc Ninh Hòa, Tân Định, Nam Ninh Hòa, Hòa Trí, Tây Ninh Hòa, Ninh Hòa, Đông Ninh Hòa, Hòa Thắng) và thị xã Khánh Vĩnh cũ (nay là các xã Bắc Khánh Vĩnh, Trung Khánh Vĩnh, Tây Khánh Vĩnh, Nam Khánh Vĩnh và Khánh Vĩnh) tỉnh Khánh Hòa.

Nhóm thứ hai gắn gũi với người Chăm nên hiểu tiếng Chăm, tiếng Chu Ru, K'ho. Nhóm này tập trung ở huyện Ninh Sơn và Bắc Ái tỉnh Ninh Thuận cũ (nay là các xã, phường: Bắc Ái Tây, Lâm Sơn, Ninh Sơn, Anh Dũng, Mỹ Sơn, Bắc Ái, Đô Vinh tỉnh Khánh Hòa) và các xã phía Tây huyện Khánh Sơn cũ (nay là các xã: Khánh Sơn, Tây Khánh Sơn, Đông Khánh Sơn, Bắc Ái Đông).

Trong suốt quá trình tồn tại và thích ứng với không gian núi rừng, người Raglai đã hình thành một hệ thống giá trị văn hóa gắn liền mật thiết với môi trường tự nhiên. Có thể nói, những giá trị văn hóa đặc trưng của người Raglai vừa là sản phẩm thích nghi trực tiếp vừa là gián tiếp của cộng đồng cư dân này với không gian sinh tồn mang đậm đặc điểm sinh thái núi rừng. Núi rừng, trong quan niệm của người Raglai, không chỉ là nơi cư trú và sinh tồn, mà còn là không gian thiêng mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc, là nơi cư trú của các vị thần linh luôn sẵn sàng bảo hộ cũng như phương hại đến cộng đồng tùy vào ứng xử của cộng đồng. Những quan niệm này phản ánh một thế giới quan độc đáo, nơi con người và tự nhiên không tách biệt, mà cùng chia sẻ trách nhiệm gìn giữ sự cân bằng của vũ trụ.²¹

Ở góc độ kinh tế - văn hóa, nông nghiệp nương rẫy giữ vai trò trung tâm trong đời sống kinh tế truyền thống của người Raglai, chi phối gần như toàn bộ quá trình sản xuất và sinh hoạt. Thực hành nông nghiệp này là nền tảng của các đặc điểm văn hóa và xã hội của tộc người Raglai. Lúa và bắp nếp là hai loại lương thực chủ đạo được canh tác bên cạnh các loại nông sản khác như khoai, đậu, củ và một số loại hoa quả được trồng trên rẫy. Song song với trồng trọt, chăn nuôi gia súc và gia cầm như trâu, bò, heo, gà cũng được phát triển rộng rãi. Đây là nguồn cung cấp thực phẩm thiết yếu cho bữa ăn thường nhật, đồng thời có vai trò quan trọng trong các nghi thức tế lễ, lễ hội cộng đồng cũng như trong trao đổi, giao lưu giữa các hộ gia đình và cộng đồng. Nhờ đó, chăn nuôi vừa mang giá trị kinh tế, vừa có ý nghĩa xã hội và tín ngưỡng. Ngoài nông nghiệp, một số nghề thủ công như đan gùi, làm nỏ, chế tác đàn chapi, kèn bầu, v.v. được duy trì, dù còn ở mức độ đơn giản và quy mô nhỏ hẹp. Những sản phẩm thủ công này cơ bản đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt, đồng thời phản ánh khả năng sáng tạo và thích ứng của người Raglai trong việc khai thác nguồn nguyên liệu sẵn có từ tự nhiên.²¹ Hiện nay, đời sống của người Raglai cũng đã có nhiều biến chuyển do các chính sách phát triển được triển khai mạnh mẽ từ trung ương đến địa phương, đặc biệt là Chương trình Mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới và các chính sách phát triển hỗ trợ vùng núi, vùng dân tộc còn nhiều khó khăn.

Tiếp cận văn hóa Raglai trong bối cảnh du lịch tỉnh Khánh Hòa

Trong những năm gần đây, ngành du lịch đã có những đóng góp quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung và các địa phương nói riêng, ngày càng khẳng định vị thế là một ngành kinh tế mũi nhọn trong cơ cấu GDP của các tỉnh, thành trên cả nước. Từ góc độ chính sách, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị khẳng định phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của cả nước, trong đó nhấn mạnh việc gắn phát triển du lịch với bảo tồn văn hóa và bảo vệ môi trường.¹ Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030,² xác định phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù theo vùng, trong đó vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, bao gồm Ninh Thuận (nay là Khánh Hòa), được định hướng phát triển mạnh du lịch biển, sinh thái và văn hóa dựa vào điều kiện cảnh quan thiên nhiên khô hạn đặc trưng, khí hậu nhiệt đới gió mùa cùng hệ sinh thái đa dạng. Đồng thời, nơi đây còn lưu giữ hệ thống di tích lịch sử - văn hóa, cùng kho tàng văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú của các cộng đồng dân tộc, đặc biệt là Chăm và Raglai, với đời sống văn hóa đặc sắc.^[21, tr.20]

Trong bối cảnh đó, cộng đồng Raglai vốn phân bố chủ yếu trên địa bàn miền núi của cả hai tỉnh cũ nay trở thành một thành phần quan trọng trong cơ cấu tộc người của tỉnh mới. Đây không chỉ là yếu tố làm giàu thêm bức tranh đa dạng văn hóa tộc người của Khánh Hòa, mà còn là điều kiện quan trọng để khai thác tiềm năng du lịch thông qua việc phát huy giá trị văn hóa Raglai. Các tri thức dân gian, lễ hội, âm nhạc, kiến trúc nhà sàn cùng phong tục tập quán đặc trưng của người Raglai, nếu được bảo tồn và khai thác phù hợp, sẽ góp phần tạo nên sản phẩm du lịch cộng đồng hấp dẫn, gia tăng tính cạnh tranh và khẳng định bản sắc riêng biệt của du lịch Khánh Hòa trong tương lai.

Cùng với đó, địa phương này cũng đã có nhiều nỗ lực phát triển du lịch gắn với văn hóa cộng đồng người Raglai, coi đây là một trong những nguồn lực quan trọng để tạo sự khác biệt. Có thể kể đến như việc tổ chức các sự kiện Lễ hội Văn hóa Raglai định kỳ tại huyện Bắc Ái (nay là các xã Bắc Ái, Bắc Ái Đông và Bắc Ái Tây), tái hiện các nghi lễ truyền thống như “Ăn mừng lúa mới”, kết hợp trình diễn nhạc cụ dân tộc truyền thống như công chiêng (mã la), đàn chapi, kèn bầu, v.v. nhằm quảng bá bản sắc Raglai đến du khách. Ngoài ra, các chương trình trong Tuần Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Ẩm thực Ninh Thuận luôn có không gian tôn vinh văn hóa Raglai, các chương trình tham

quan hệ thống nhà sàn lưu trú, dịch vụ ẩm thực và sản phẩm truyền thống như rượu cần, cơm lam, hạt chuỗi rừng, tạo không gian trải nghiệm văn hóa sống động, qua đó khẳng định vai trò của cộng đồng này trong chiến lược phát triển du lịch của tỉnh. Những nỗ lực này không chỉ cho thấy sự chủ động của địa phương trong việc đưa văn hóa Raglai trở thành một thành tố quan trọng của du lịch, mà còn đặt ra những vấn đề lý luận và thực tiễn về cách thức bảo tồn, cũng như phát huy giá trị văn hóa trong bối cảnh hội nhập nói chung và phát triển du lịch nói riêng.

Từ góc độ khảo sát và phân tích các dữ liệu thứ cấp, giá trị văn hóa Raglai có thể khái quát trên ba phương diện chính: văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và văn hóa xã hội. Trên bình diện vật chất, phương thức sản xuất nương rẫy với cây lúa rẫy, bắp, khoai mì đóng vai trò trung tâm, kết hợp với chăn nuôi gia súc và khai thác lâm sản. Nhà sàn gỗ - tre, guì, công cụ sản xuất thô sơ phản ánh tri thức thích ứng sinh thái. Trên bình diện tinh thần, Raglai sở hữu một kho tàng sử thi (akhăt jucar), dân ca, tục ngữ, cùng hệ thống nghi lễ phong phú như lễ bỏ mả, lễ hội ăn mừng lúa mới, v.v. gắn liền với tín ngưỡng đa thần. Âm nhạc truyền thống với đàn chapi, kèn bầu, mã la không chỉ là công cụ giải trí mà còn mang tính thiêng trong nghi lễ. Trên bình diện xã hội, cấu trúc cộng đồng Raglai chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của chế độ mẫu hệ: phụ nữ nắm vai trò trung tâm trong thừa kế, cư trú và gắn kết gia đình. Đặc điểm nổi bật của văn hóa Raglai là tính linh hoạt và thích ứng. Trong giao lưu với người Chăm, Ê-đê hay người Kinh, Raglai vừa tiếp biến vừa giữ được bản sắc riêng. Trong bối cảnh hiện nay, sự linh hoạt này giúp cộng đồng mở ra khả năng đưa các giá trị văn hóa vào du lịch, đồng thời duy trì các yếu tố cốt lõi.

Có thể nhận diện rằng các giá trị văn hóa Raglai đã được khai thác vào du lịch thông qua ba hình thức chính: (1) Trình diễn lễ hội và âm nhạc (như lễ mừng lúa mới, nhạc cụ mã la, đàn chapi), (2) Du lịch cộng đồng homestay (lưu trú trong nhà sàn, trải nghiệm sản xuất nông nghiệp, thưởng thức ẩm thực bản địa), (3) Sản phẩm thủ công - ẩm thực (guì tre, dệt vải, rượu cần, cơm lam và các món thịt nướng). Các hình thức này vừa phản ánh sự tiếp nhận của du khách, vừa cho thấy nỗ lực của cộng đồng và chính quyền trong việc gắn văn hóa với phát triển kinh tế. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra những thách thức: sự khác biệt giữa không gian thiêng và không gian du lịch, nguy cơ thương mại hóa, cũng như yêu cầu về quản trị cộng đồng và chia sẻ lợi ích. Chính trong bối cảnh này, việc phân tích cơ chế hình thành “ranh giới” giữa nguyên bản và trình diễn trở nên đặc biệt quan trọng.

Nhận diện giá trị văn hóa của người Raglai ở Ninh Thuận trong phát triển du lịch

Văn hóa vật chất

Văn hóa vật chất của Raglai được phản ánh qua các khía cạnh ăn - mặc - ở - đi lại, đồng thời gắn bó mật thiết với môi trường sinh thái núi rừng. Từ quan sát thực địa, có thể phân tích một số yếu tố nổi bật:

Về phương diện ẩm thực: người Raglai chủ yếu dựa trên sản phẩm nương rẫy: lúa rẫy, bắp, khoai, măng, rau rừng và thịt thú:

“...i rừng kiếm măng, hái lá bếp, thí dụ như hôm nay hết đồ ăn, hết canh thì có thể ngày mai lại dành thời gian để đi kiếm măng, bẻ bắp chuối hay những rau gì trong núi mình đó, rồi một tuần sau lại tiếp tục đi, hái một lần ăn một tuần” (Phòng văn sâu 07, nam nông dân, 1974).

Ngoài ra:

“o thích đi rừng vì quan cảnh rất đẹp, mát mẻ, lên núi hái rau, hái quả, bắp chuối, nói chung rất là thoáng, có sông, có suối, có thác rất đẹp nên họ rất thích đi, trong rừng cây gì cũng có đồ ăn hết, hoa quả rừng đó, họ ăn được” (Phòng văn sâu 07, nam, nông dân, 1974).

Ngoài ra, rượu cần không chỉ là thức uống mà còn mang tính nghi lễ, biểu tượng của gắn kết cộng đồng. Trong du lịch, nhiều hộ gia đình Raglai đã tổ chức trải nghiệm nấu cơm lam, làm rượu cần, chế biến món nướng truyền thống cho du khách.

Về trang phục: trang phục truyền thống Raglai với gam màu trầm và hoa văn hình học thể hiện quan niệm vũ trụ, tín ngưỡng và vị thế xã hội. Trong các lễ hội, phụ nữ Raglai vẫn sử dụng trang phục truyền thống, nhưng trong đời sống hằng ngày trang phục hiện đại đã phổ biến. Khi đưa vào du lịch, trang phục trở thành đạo cụ biểu diễn, đồng thời là sản phẩm lưu niệm (váy, áo, khăn dệt tay):²⁰

“Ngoài việc dệt váy để mặc trong các dịp lễ, còn tổ chức các buổi dạy dệt cho thiếu nữ trong thôn và làm đồ thủ công nhỏ để bán cho khách du lịch. Mỗi hoa văn là một câu chuyện, có váy dệt hình lúa trổ, có váy hình dòng suối, không máy móc nào thay được tay người” (Phòng văn sâu, nữ nông dân thôn Ma Ty, 1980).

Như vậy, trang phục chuyển từ công cụ nhận diện bản sắc sang sản phẩm văn hóa - kinh tế, mà vẫn duy trì ý nghĩa biểu tượng khi xuất hiện trong nghi lễ.

Nhà sàn Raglai được dựng bằng gỗ, tre, mái tranh, phân chia thành các không gian có chức năng xã hội - tín ngưỡng rõ ràng. Trong du lịch, nhiều hộ cải tạo nhà sàn để đón khách homestay: sử dụng vật liệu bền hơn (ngói, tôn) nhưng vẫn giữ phong cách truyền thống.²⁰ Đây là ví dụ cho sự thích ứng giữa tính biểu tượng (cấu trúc xã hội mẫu hệ, không gian cộng đồng)

và tính ứng dụng (đảm bảo an toàn, tiện nghi cho du khách). Hiện nay, mô hình nhà sàn truyền thống hầu như không còn do thiếu nguyên vật liệu và sự thay đổi trong chính sách đất rừng (Phòng văn sâu, Nam công chức xã Phước Hòa cũ, 1978).

Về phương diện sản xuất vật chất và đi lại: các biểu tượng gùi tre, dao rừng, nỏ săn là những công cụ truyền thống, phản ánh tri thức sinh thái. Trong không gian du lịch, gùi tre trở thành sản phẩm lưu niệm, còn nỏ săn được trình diễn như một trò chơi trải nghiệm. Những sự chuyển đổi này cho thấy tính biểu tượng của vật dụng truyền thống được duy trì, đồng thời thích nghi với nhu cầu giải trí của du khách.

Văn hóa tinh thần

Người Raglai sở hữu một hệ thống nghi lễ phong phú, phản ánh rõ nét thế giới quan đa thần và mối quan hệ hài hòa giữa con người với tự nhiên và thần linh. Các nghi lễ quan trọng như lễ bỏ mả, lễ hội ăn mừng lúa mới, lễ cưới, v.v. đều mang chức năng tâm linh sâu sắc, đồng thời là phương tiện củng cố ký ức và gắn kết cộng đồng. Trong đó, lễ mừng lúa mới thường được tổ chức vào cuối vụ mùa, với các nghi thức cúng thần lúa, chia sẻ rượu cần và diễn tấu mã la, thể hiện lòng biết ơn mùa màng. Lễ bỏ mả lại diễn ra trong không gian linh thiêng, nơi cộng đồng tiễn đưa linh hồn người đã khuất về với tổ tiên. Những thực hành này không chỉ duy trì niềm tin cộng đồng mà còn góp phần giữ gìn trật tự xã hội. Theo lời của người dân Raglai tại địa bàn:

“Lễ hội gắn liền với mùa màng và chu kỳ nông nghiệp. Vào tháng 11 âm lịch hằng năm, sau khi thu hoạch lúa (giao từ tháng Giêng, thu vào tháng Mười), họ tổ chức lễ mừng lúa mới với rượu cần, heo, gà và mời cả làng chung vui, kèm theo đánh mã la, trống. Ngoài ra, lễ bỏ mả được tiến hành tùy điều kiện từng gia đình, có thể sau một đến vài năm, với lễ vật heo gà và sự tham gia của họ hàng, nhằm chấm dứt hẳn việc thờ cúng cho người đã khuất” (Phòng văn sâu 08, nam, trưởng thôn, 1988).

Trong không gian du lịch, một số *nghi lễ* của người Raglai đã được tái hiện dưới dạng trình diễn, tiêu biểu như lễ ăn đầu lúa mới trong các lễ hội văn hóa, có sự tham gia của du khách. Nhạc cụ và vũ điệu nghi lễ được đưa lên sân khấu phục vụ tham quan, góp phần quảng bá bản sắc địa phương. Tuy nhiên, lễ bỏ mả vẫn chỉ diễn ra trong cộng đồng và không trình diễn ra bên ngoài. Điều này cho thấy sự phân định rõ ràng giữa nghi lễ thiêng - vốn chỉ dành cho nội bộ, và nghi lễ mang tính biểu tượng có thể giới thiệu đến công chúng. Chính tính thiêng là ranh giới để xác lập sự khác biệt giữa không gian nguyên bản và không gian trình diễn.

Âm nhạc và nghệ thuật trình diễn của người Raglai là một kho tàng giàu bản sắc, với những nhạc cụ đặc trưng như đàn chapi, kèn bầu, mã la cùng các làn điệu dân gian. Trong đó, mã la được coi là nhạc cụ thiêng, chỉ vang lên trong nghi lễ, còn đàn chapi và kèn bầu gắn liền với đời sống thường nhật, thể hiện tình cảm và niềm vui lao động. Khi bước vào môi trường du lịch, âm nhạc Raglai được khai thác mạnh mẽ: đàn chapi trở thành biểu tượng văn hóa quen thuộc, trong khi mã la được biểu diễn nhiều hơn trong các lễ hội văn hóa. Dù vậy, nhiều người vẫn lo ngại việc đưa mã la ra sân khấu sẽ làm phai nhạt ý nghĩa thiêng liêng^[21, tr.50-60],^{22,23}

Ngữ văn dân gian Raglai cũng vô cùng phong phú, đặc biệt là sử thi akhăt jucar. Sử thi không chỉ lưu giữ lịch sử, tri thức và đạo lý cộng đồng mà còn tạo nên không gian thẩm mỹ tập thể. Trong bối cảnh du lịch, việc đưa sử thi vào sân khấu gặp khó khăn vì độ dài và rào cản ngôn ngữ. Để khắc phục, cộng đồng chọn lọc những trích đoạn tiêu biểu, bổ sung thuyết minh song ngữ, hoặc tổ chức các “đêm diễn xướng cộng đồng” để du khách có thể cùng tham gia. Nhờ đó, sử thi vừa được bảo tồn như một di sản truyền khẩu, vừa trở thành sản phẩm du lịch sáng tạo, có giá trị trải nghiệm.²²

Nhìn chung, văn hóa tinh thần của người Raglai cho thấy ranh giới giữa bảo tồn và trình diễn được quyết định bởi ba yếu tố: mức độ thiêng liêng, khả năng biểu đạt nghệ thuật và sự đồng thuận của cộng đồng. Đây chính là cơ chế quan trọng giúp duy trì ý nghĩa cốt lõi của di sản, đồng thời mở rộng không gian lan tỏa trong bối cảnh hội nhập và phát triển du lịch.

Văn hóa xã hội

Người Raglai duy trì cấu trúc xã hội mẫu hệ, trong đó phụ nữ giữ vai trò trung tâm về thừa kế, cư trú và quản lý gia đình: “đám cưới là bên nhà gái cưới nhà trai, người con rể về sống cùng gia đình vợ. Đó là nét riêng của mình, không giống ai” (Phỏng vấn sâu, nam, công chức xã Phước Hòa cũ, 1978) và “trong nhà, phụ nữ quyết lễ, giữ lửa, dạy con, cất lời ru và biết đường rừng để gọi tổ tiên. Không có người mẹ, gia đình Raglai như mất gốc” (Phỏng vấn sâu, nữ nông dân thôn Ma Oai, 1969). Quan hệ họ hàng, luật tục và vai trò của già làng đảm bảo sự cố kết cộng đồng. Trong bối cảnh du lịch, chính phụ nữ Raglai thường là người chủ động tiếp đón khách, chuẩn bị ẩm thực, trình diễn dệt vải, còn nam giới tham gia vào khâu trình diễn nhạc cụ, hướng dẫn trải nghiệm. Điều này cho thấy cấu trúc xã hội truyền thống đã được tái hiện trong không gian du lịch, trở thành nội dung trình diễn bản sắc.

Về phương diện luật tục và cảm giác thuộc về: luật tục Raglai điều chỉnh nhiều hành vi: phân chia đất đai, xử

lý vi phạm cấm kỵ, tổ chức nghi lễ. Trong du lịch, một số luật tục vẫn được duy trì, ví dụ: không cho phép khách chụp ảnh trong nghi lễ bỏ mả, không được vào rừng thiêng. Chính những quy định này tạo nên ranh giới rõ rệt giữa du khách và không gian bản địa, đảm bảo sự tôn trọng. Đồng thời, luật tục củng cố “cảm giác thuộc về” (sense of belonging), giúp cộng đồng Raglai khẳng định quyền kiểm soát và niềm tự hào văn hóa khi bước vào tương tác với bên ngoài.

Ranh giới giữa tính nguyên bản và tính trình diễn: sự tương tác giữa các yếu tố tác động

Trong nhiều nghiên cứu về mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch, các học giả trong và ngoài nước thường nhấn mạnh đến nguy cơ thương mại hóa (commodification) khi yếu tố văn hóa truyền thống được khai thác như sản phẩm du lịch, từ đó làm phai nhạt tính nguyên bản. Văn hóa của người Raglai ở Khánh Hòa cũng đối diện với bối cảnh này khi những giá trị đặc sắc như lễ hội, nhạc cụ là đàn chapi, mã la hay các thực hành tri thức dân gian vừa được quảng bá phục vụ du khách, vừa phải thích nghi với logic thị trường.

Hiện tượng trình diễn văn hóa thường được thảo luận dưới khái niệm “authenticity” - tính chân thực của văn hóa (MacCannell, 1973; Cohen, 1988; Wang, 1999). Tranh luận về “authenticity” xoay quanh việc liệu cái được trình diễn cho khách du lịch có phải là sự phản ánh chân thực đời sống văn hóa nội tại hay chỉ là sản phẩm được “dàn dựng” nhằm thỏa mãn kỳ vọng từ bên ngoài. Ở đây, MacCannell (1973) nhấn mạnh đến “staged authenticity” (tính chân thực được dàn dựng), Cohen (1988) bàn về tính chân thực như một khái niệm “đàm phán”, “thương mại hóa”, “chân thực nổi lên (emergent authenticity)”, v.v. tức là linh hoạt, không cố định^[24, tr.371-386]. Còn Wang (1999) phân biệt giữa chân thực khách quan (objective authenticity), chân thực kiến tạo (authenticity constructive) và chân thực hiện sinh (existential authenticity)^[25, tr.349-370]. Những cách tiếp cận này cho thấy “chân thực” không phải là giá trị tuyệt đối, mà là một quá trình thương thảo giữa cộng đồng bản địa, du khách và các lực lượng xã hội khác. Bên cạnh đó, di sản cũng được tiếp cận như một hình thức trình diễn. Các nghiên cứu về di sản như một dạng thức trình diễn (heritage as performance) đã chỉ ra rằng di sản văn hóa không tồn tại như một thực thể tĩnh, mà được tái tạo, trình diễn trong những bối cảnh xã hội cụ thể. Barbara Kirshenblatt-Gimblett (1998) với khái niệm di sản như một sản phẩm siêu văn hóa (heritage as metacultural production) lại bổ sung một hướng nhìn khác: di sản không phải chỉ đơn thuần là quá khứ được bảo tồn, mà chính là một sản phẩm mang

tính siêu văn hóa (metacultural), được kiến tạo để đại diện cho văn hóa trong các ngữ cảnh mới như bảo tàng, lễ hội hay du lịch. Quan điểm này nhấn mạnh tính sáng tạo và mang đậm yếu tố quyền lực trong việc tạo nghĩa cho di sản.^{26,27}

Đặt trong bối cảnh đó, các thực hành văn hóa của người Raglai khi tham gia vào du lịch không chỉ đặt ra vấn đề “tính chân thực” theo quan điểm của MacCannell hay Wang, cũng không chỉ là sự tái hiện di sản như một dạng thức trình diễn (performance). Chúng còn phản ánh quá trình cộng đồng thương thảo về ranh giới giữa cái thiêng và cái công khai, giữa cái được phép “diễn” và cái chỉ được lưu giữ nội bộ. Nói cách khác, di sản Raglai không chỉ là một dạng thức trình diễn hay một sản phẩm siêu văn hóa, mà còn là một “ranh giới động” (dynamic boundary), nơi tính thiêng, tính biểu tượng và tính công khai được tái cấu trúc trong không gian du lịch.

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, trình diễn văn hóa không hẳn là một sự mất mát, không phải có nguy cơ mất đi bản sắc. Trái lại, nó có thể được hiểu như một không gian mở rộng, nơi bản sắc được tái khẳng định, lan tỏa và tiếp tục kiến tạo trong bối cảnh mới. Điều này phù hợp với lập luận của Cohen rằng thương mại hóa không nhất thiết đồng nghĩa với phá hủy tính nguyên bản. Trong thực tiễn, thông qua trình diễn, người Raglai không chỉ duy trì và lan tỏa những giá trị cốt lõi của bản sắc, mà còn gắn kết chúng với lợi ích kinh tế và xã hội. Do đó, ranh giới giữa “bảo tồn” và “phát huy” ở đây không chỉ là sự căng thẳng, mà còn mở ra cơ hội: văn hóa Raglai được nhìn nhận như một thực thể năng động, vừa bảo toàn căn cốt vừa kiến tạo giá trị mới trong tiến trình phát triển chung của cộng đồng.

Như vậy, từ hướng tiếp cận trình diễn văn hóa (cultural performance), văn hóa không chỉ dừng lại ở những yếu tố tĩnh tại mà luôn vận động, có tính biểu đạt và gắn liền với sự thực hành tập thể. Chính vì vậy, khi văn hóa tộc người được chuyển tải vào các sản phẩm du lịch, cần nhìn nhận đây là một quá trình vừa bảo tồn tính nguyên bản vừa đồng thời cho phép các yếu tố trình diễn nhằm thích ứng với bối cảnh đương đại. Trường hợp của người Raglai ở Khánh Hòa là một minh chứng điển hình, bởi hệ thống văn hóa của họ được hình thành từ lịch sử cư trú lâu đời và sự tương tác sinh thái - xã hội đặc thù. Những yếu tố văn hóa như đàn chapi, tiếng nói, nhà sàn, mã la được cộng đồng xác lập là văn hóa của mình, qua đó tạo nên những hạt nhân cốt lõi để vừa giữ lại bản sắc vừa mở ra khả năng trình diễn.

Trong tiến trình này, yếu tố thiêng là một ranh giới quan trọng. Các điệu mã la, chẳng hạn, vốn chỉ vang lên trong không gian nghi lễ, nơi gắn liền với niềm tin

và sự linh thiêng của cộng đồng, khi đưa vào sản phẩm du lịch cần có sự cân nhắc kỹ lưỡng để tránh làm phai nhạt ý nghĩa gốc. Bản thân tính thiêng mang trong nó giá trị nguyên bản, và việc chuyển tải sang trình diễn đòi hỏi những hình thức thích ứng sáng tạo, chẳng hạn thông qua việc tái hiện trong không gian trưng bày hoặc tổ chức trình diễn mô phỏng nhưng vẫn duy trì tính trang nghiêm. Bên cạnh đó, yếu tố cảm giác thuộc về cũng cần được nhấn mạnh. Những giá trị như đàn chapi, tiếng nói hay kiến trúc nhà sàn không chỉ là di sản văn hóa vật thể hay phi vật thể mà còn gắn với căn tính, với sự tự nhận diện của cộng đồng Raglai. Khi được tái hiện trong môi trường du lịch, chúng không chỉ để thỏa mãn nhu cầu khám phá của du khách mà còn góp phần khẳng định niềm tự hào và sự hiện diện văn hóa của chính cộng đồng chủ thể.

Văn hóa trong bối cảnh phát triển du lịch không thể tách rời khỏi yếu tố thị hiếu. Khách du lịch có sự đa dạng về mục tiêu trải nghiệm, từ nhu cầu tìm hiểu chiều sâu văn hóa bản địa thông qua các không gian trưng bày, bảo tàng sống, đến mong muốn hòa nhập trong các hoạt động cộng đồng vui tươi, thưởng thức nghệ thuật trình diễn và mua sắm sản phẩm lưu niệm. Người Raglai đã và đang tham gia vào quá trình này thông qua việc đưa các ngành nghề truyền thống như đan lát, chế tác nhạc cụ, hay ẩm thực bản địa vào không gian du lịch. Những món ăn như heo nướng, gà nướng, sản phẩm từ nông sản tự trồng, vừa mang hương vị đặc trưng vừa dễ thích nghi với khẩu vị phổ biến, cho thấy sự linh hoạt trong việc đáp ứng thị hiếu mà vẫn giữ được tính bản địa. Đây chính là sự cân bằng giữa nguyên bản và trình diễn, nơi giá trị truyền thống không bị đóng khung mà được tái cấu trúc để phù hợp với không gian tiêu thụ mới.²⁸

Ở một tầng ý nghĩa khác, tính khái quát và biểu tượng giữ vai trò như chiếc cầu nối giữa quá khứ và hiện tại. Văn hóa truyền thống của người Raglai vốn nảy sinh trong môi trường sinh thái tự cung tự cấp, nơi vật liệu, sản phẩm và hình thức sinh hoạt gắn liền với rừng núi, nương rẫy. Trong bối cảnh hiện nay, khi nông nghiệp hàng hóa và các luồng tác động kinh tế - xã hội thay đổi, chất liệu nguyên thủy không còn dồi dào, việc tái tạo giá trị văn hóa đòi hỏi sự chọn lọc và cách tân. Chẳng hạn, khi xây dựng không gian trưng bày hoặc tái hiện nghề truyền thống trong các mô hình nhà sàn, thay vì hoàn toàn dựa vào gỗ ô hay tranh lá, người ta sử dụng vật liệu bền hơn nhưng vẫn giữ màu sắc và phong cách tương tự. Hoặc khi thiết kế cổng làng văn hóa, nhà hàng cộng đồng, việc cách điệu kiến trúc theo hướng thanh thoát hiện đại nhưng vẫn phảng phất dấu ấn Raglai cho thấy một sự hòa giải giữa tính biểu tượng và tính ứng dụng.

Như vậy, ranh giới giữa nguyên bản và trình diễn trong văn hóa Raglai không phải là một đường kẻ rạch ròi mà là không gian giao thoa, nơi bản sắc được bảo tồn trong những giá trị thiêng liêng và căn tính cộng đồng, đồng thời được mở rộng thành các hình thức trình diễn để đáp ứng thị hiếu, thích ứng với điều kiện kinh tế xã hội mới. Điều này cho thấy văn hóa tộc người không phải là cái gì bất biến mà là một tiến trình sống động, trong đó sự vận động và sáng tạo chính là cách để bảo tồn bản sắc một cách bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa và du lịch phát triển.

Tóm lại, xét về đặc tính của văn hóa như một văn bản sống thì ranh giới giữa tính nguyên bản hay bản sắc chỉ có tính tương đối vì văn hóa trình diễn cũng là một dạng thức văn bản văn hóa sống động, có tính biểu đạt tập thể. Theo đó, văn hóa trình diễn này chính là sự tương tác giữa các bên liên quan trong quá trình văn bản hóa này, bao gồm cộng đồng, chính quyền địa phương, nhà khoa học, các chuyên gia, doanh nghiệp, du khách, v.v. Trong không gian biểu đạt này, qua việc chú trọng đến ranh giới của “tính bản sắc/ nguyên bản” và “tính trình diễn”, văn hóa của tộc người đã được phát huy để trở thành một nét độc đáo thu hút được sự quan tâm của các bên liên quan, để từ đó nâng cao nhận thức về sự đa dạng văn hóa và tôn trọng sự khác biệt văn hóa. Như vậy, nghiên cứu của chúng tôi về người Raglai không đơn thuần xác nhận hay phủ định tính chân thực của các giá trị văn hóa trong trình diễn du lịch văn hóa, mà mở rộng khung phân tích bằng cách đặt trọng tâm vào quản trị ranh giới của di sản theo cách xem trình diễn văn hóa như một không gian thương thảo bản sắc.

THẢO LUẬN

“Ranh giới” như một vùng giao thoa linh hoạt

Kết quả nghiên cứu cho thấy, khái niệm “ranh giới” giữa bảo tồn và phát huy văn hóa trong bối cảnh du lịch không thể hiểu theo nghĩa tĩnh, như một đường kẻ phân định tuyệt đối giữa “nguyên bản” (hay bản sắc) và “trình diễn”. Ngược lại, ranh giới này vận động như một vùng giao thoa linh hoạt, nơi các yếu tố bản sắc được duy trì, đồng thời được tái tạo. Trong vùng giao thoa này, tính nguyên bản không bị triệt tiêu mà được chuyển dịch sang hình thức mới, đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội nhưng vẫn giữ yếu tố cốt lõi.

Ví dụ, lễ ăn đầu lúa mới vừa là nghi lễ thiêng liêng vừa có thể trình diễn trong lễ hội văn hóa Raglai. Trong trường hợp này, phần cốt lõi (cúng thần lúa, chia sẻ rượu cần, diễn tấu mã la) vẫn được duy trì, nhưng cách thức tổ chức có thể rút gọn, nhấn mạnh đến những yếu tố cốt lõi của các nghi lễ và có phần tươi

vui cùng với phần thuyết minh để chuyển tải đến du khách các ý nghĩa biểu đạt của các chi tiết của nghi lễ. Điều này minh chứng cho việc ranh giới không hủy bỏ bản sắc, mà chuyển hóa bản sắc trong bối cảnh mới để kiến tạo một dạng bản sắc trình diễn để biểu đạt văn hóa.

Trong quá trình này, chúng tôi nhận thấy rằng tính thiêng đóng vai trò như “hàng rào” tự nhiên xác lập ranh giới của hai không gian biểu đạt, không gian chủ và không gian khách. Cụ thể như, ở tộc người Raglai, nghi lễ bỏ mả hay không gian rừng thiêng không bao giờ được đưa vào trình diễn, bởi cộng đồng Raglai xác định đây là một phạm trù thiêng chỉ dành cho thành viên, trong đó họ tương tác với một thế giới thần linh nhiều quyền năng mà họ phải có trách nhiệm kính trọng và gìn giữ các quy định ràng buộc. Điều này cho thấy, bảo tồn trong du lịch không chỉ là giữ lại hiện vật hay tập quán, mà là bảo vệ không gian thiêng, duy trì sự tách biệt cần thiết giữa cộng đồng và du khách.

Thị hiếu du khách và sự đồng thuận cộng đồng

Một trong những yếu tố thúc đẩy quá trình “trình diễn hóa” là nhu cầu trải nghiệm của du khách. Khi tham gia vào các trải nghiệm du lịch văn hóa, du khách luôn chú trọng đến các trải nghiệm mang tính khác biệt và mới mẻ, khác với những gì họ thường thấy. Do vậy, các sản phẩm du lịch dựa trên văn hóa bản địa phải chất lọc các yếu tố văn hóa bản địa vừa thể hiện được nét đặc trưng vừa đáp ứng nhu cầu của du khách. Do vậy, đây cũng là một quá trình thương thảo để dung hòa nhu cầu của cộng đồng chủ và khách. Tuy nhiên, nếu cộng đồng văn hóa tộc người có cơ chế cộng đồng kiểm soát các nguy cơ thương mại hóa làm mai một bản sắc văn hóa thì quá trình thương thảo này sẽ diễn ra đúng hướng và đạt được các kết quả như kỳ vọng của các bên liên quan. Nhưng nếu cộng đồng có cơ chế lỏng lẻo hay không phải là chủ thể của quá trình này thì phải có sự tham gia của các bên liên quan khác như nhà khoa học, nhà quản lý. Chính sự tham gia của các bên liên quan này giúp cho văn hóa vừa được lan tỏa, vừa tránh nguy cơ thương mại hóa cực đoan, vốn sẽ phương hại đến văn hóa cộng đồng chủ thể.

Nghiên cứu của chúng tôi cũng nhận diện một nguyên tắc của việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa trong phát triển du lịch đó là “tôn trọng giá trị biểu tượng trong quá trình sáng tạo hình thức biểu đạt”. Nhà sàn là một đặc điểm văn hóa đặc biệt của người Raglai. So với nhà cộng đồng của một số tộc người ở Tây Nguyên như Ê-đê, Gia-rai, Ba-na, nhà dài Ê-đê thì bề thế, càng dài càng thể hiện uy tín và quyền lực của dòng họ nữ, gắn liền với chế độ mẫu hệ. Còn người

Gia Rai và Ba Na nổi bật với nhà rông cao vút - biểu tượng sức mạnh và thiêng liêng của cộng đồng, là nơi diễn ra các sinh hoạt và nghi lễ chung. Nhà sàn của người Raglai thường có bề ngang rộng, sàn cao vừa phải, mái bằng và được chia chái rõ ràng theo giới tính và chức năng, phản ánh đời sống gắn kết của gia đình - dòng họ. Để tái hiện các không gian giới thiệu văn hóa và đón khách ở cộng đồng, các không gian công cộng được thiết kế theo mô-típ nhà sàn có thể được cách điệu để mang về hiện đại bên cạnh những không gian nhà sàn truyền thống. Tuy nhiên, do môi trường sống hiện nay đã có nhiều thay đổi nên các nguyên vật liệu cất nhà sàn như tranh, tre hiện nay không sẵn có nên các nhà sàn này có thể được xây dựng bằng các vật liệu có tính bền vững hơn, nhưng vẫn duy trì chức năng là không gian sinh hoạt cộng đồng và mang dáng dấp đường nét của văn hóa tộc người Raglai. Các trang phục có thể được tái tạo dùng vải sẵn có trên thị trường nhưng các đường nét hoa văn truyền thống cần được phục hồi và gìn giữ vì chúng có ý nghĩa biểu tượng nhất định, phản ánh một quá trình lịch sử thích nghi sinh tồn và hình thành một thế giới các biểu tượng. Đây có thể là một cơ chế “bảo tồn linh hoạt”, nơi yếu tố vật chất có thể thay đổi nhưng ý nghĩa biểu tượng được bảo lưu. Hướng tiếp cận hệ thống biểu tượng này cho thấy bản sắc được hiểu ở tầng ý nghĩa thay vì vật chất, cộng đồng có thể sáng tạo hình thức mới mà vẫn giữ được yếu tố cốt lõi. Đây cũng là điểm khác biệt với cách tiếp cận “bảo tồn tĩnh” thường thấy, vốn chỉ chú trọng khía cạnh hiện vật. Và do có tính biểu đạt này nên các nét văn hóa được trình diễn trong không gian khách cũng sẽ thể hiện các ý nghĩa mang bản sắc tộc người Raglai dù các đặc điểm vật chất của văn hóa có thể đã được khái quát, giản lược hay gia cố.

Vai trò của cộng đồng trong quản trị ranh giới

Một điểm nhấn quan trọng là cộng đồng Raglai chính là chủ thể xác lập và quản lý ranh giới. Vì du lịch dựa trên văn hóa bản địa nên dù có “trình diễn” ở mức độ nào thì ý nghĩa biểu đạt cũng phải thể hiện được hồn cốt của văn hóa bản địa đó, trong trường hợp này là văn hóa Raglai. Do vậy, người Raglai phải là chủ thể tham gia trong quá trình lựa chọn các yếu tố được trình diễn và xác định ranh giới trong những trường hợp cần thiết. Già làng, trí thức dân tộc, những người am hiểu và nghệ nhân có thể là những chủ thể liên quan tham gia vào quá trình này để đảm bảo sự cân bằng giữa truyền thống và thích ứng. Cộng đồng cũng là đối tượng trực tiếp hưởng lợi từ du lịch (qua homestay, bán sản phẩm thủ công, biểu diễn), do đó họ có động lực bảo vệ di sản khỏi sự khai thác quá mức.

Tuy nhiên, vai trò cộng đồng không thể tách rời sự hỗ trợ của chính quyền và doanh nghiệp. Chính quyền địa phương cần ban hành cơ chế bảo vệ không gian thiêng, đồng thời hỗ trợ hạ tầng và quảng bá. Doanh nghiệp du lịch cần tôn trọng sự đồng thuận của cộng đồng, thay vì áp đặt kịch bản trình diễn. Chỉ khi có sự phối hợp ba bên - cộng đồng, chính quyền, doanh nghiệp - ranh giới bảo tồn - phát huy mới được duy trì bền vững.

Đề xuất mô hình quản trị ranh giới giữa bảo tồn và phát huy trong quá trình chuyển tải các giá trị văn hóa của người Raglai ở tỉnh Khánh Hòa vào hoạt động du lịch

Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa bản địa là hai mặt của một quá trình cùng song hành với nhau trong quá trình lưu truyền và kiến tạo bản sắc văn hóa tộc người. Quan điểm này thể hiện rõ trong quá trình chuyển tải các giá trị văn hóa tộc người thành các sản phẩm du lịch. Nghiên cứu trường hợp tộc người Raglai tại Bắc Ái Tây, chúng tôi nhận thấy có tồn tại một ranh giới trong quá trình chuyển tải này. Theo đó, tính thiêng và cảm giác thuộc về hay ý thức tự giác tộc người là những tiêu chí giúp xác định những yếu tố văn hóa cốt lõi mà quá trình chuyển tải phải cân nhắc. Nếu vượt quá giới hạn này thì văn hóa tộc người sẽ bị phương hại xét về tính chân thực (authenticity). Tuy nhiên trong bối cảnh đương đại, vốn đặc trưng bằng sự hội nhập mạnh mẽ, các giá trị văn hóa này đã và đang vươn xa ra khỏi ranh giới củng cố nội tại để lan tỏa các giá trị văn hóa tộc người để tiếp tục khẳng định sự đa dạng, sự khác biệt và chuyển hóa thành các giá trị kinh tế. Trong không gian chuyển hóa này, cụ thể ở cộng đồng người Raglai tại Bắc Ái Tây của tỉnh Khánh Hòa là không gian du lịch, các yếu tố thị hiếu và tính biểu tượng sẽ giúp cho sự chuyển hóa này đảm bảo sự hài hòa giữa hai không gian của cộng đồng chủ và cộng đồng khách (xem Hình 1).

KẾT LUẬN

Trên cơ sở tiếp cận văn hóa như một hệ thống biểu tượng và có tính biểu đạt qua trình diễn văn hóa từ khảo sát trường hợp người Raglai ở Khánh Hòa, bài viết nỗ lực xác định ranh giới giữa việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tộc người trong quá trình chuyển tải các giá trị văn hóa vào sản phẩm du lịch. Kết quả nghiên cứu đã nhận diện văn hóa Raglai - với hệ thống giá trị vật chất, tinh thần và xã hội phong phú - đã được đưa vào du lịch thông qua nhiều hình thức như trình diễn lễ hội và âm nhạc, du lịch cộng đồng homestay, sản phẩm thủ công - ẩm thực. Quá trình này đồng thời làm nảy sinh sự căng thẳng giữa yếu



câu bảo tồn (giữ gìn nguyên bản, duy trì tính thiêng) và phát huy (sáng tạo, trình diễn, thương mại hóa). Kết quả nghiên cứu cho thấy “ranh giới” giữa việc bảo tồn qua việc giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người và phát huy qua việc chuyển tải các giá trị văn hóa vào trong sản phẩm du lịch không tồn tại như đường kẻ rạch ròi, mà là một vùng giao thoa linh hoạt, nơi bản sắc vừa được bảo lưu ở tầng ý nghĩa cốt lõi, vừa được tái tạo hình thức để thích ứng. Ranh giới này hình thành từ sự tương tác của bốn yếu tố: (1) tính thiêng - quyết định yếu tố nào chỉ lưu giữ trong cộng đồng, yếu tố nào có thể trình diễn; (2) cảm giác thuộc về - khẳng định căn tính và quyền kiểm soát di sản; (3) thị hiếu du khách - thúc đẩy sự chọn lọc và sáng tạo hình thức; và (4) tính biểu tượng - cho phép tái tạo các yếu tố có tính vật chất (nhà sàn, trang phục, nhạc cụ) mà vẫn duy trì bản sắc. Quan trọng hơn, nghiên cứu chỉ ra rằng cộng đồng Raglai chính là chủ thể xác lập và quản trị ranh giới này. Già làng, trí thức, những người am hiểu và nghệ nhân là các chủ thể tích cực đảm bảo sự hài hòa giữa bảo tồn và thích ứng và thụ hưởng sự phát triển kinh tế. Sự tham gia của cộng đồng, kết hợp với sự hỗ trợ của chính quyền và doanh nghiệp, các nhà khoa học đã tạo nên cơ chế quản trị đa bên cho phát triển du lịch văn hóa bền vững.

Ranh giới giữa gìn giữ nguyên bản và trình diễn văn hóa trong trường hợp nghiên cứu không là sự loại trừ lẫn nhau, mà như một trục tương tác: ở một đầu là “gốc rễ” căn tính, ở đầu kia là “sự mở rộng” để lan tỏa giá trị. Cách tiếp cận này tránh được những rủi ro về các xu hướng cực đoan: quá nghiêng về bảo tồn nguyên bản, di sản có nguy cơ bị đóng kín và xa lạ với thế giới bên ngoài; ngược lại, nếu quá thiên về trình diễn, di sản dễ rơi vào thương mại hóa và mất thiêng. Thay vào đó, giải pháp hài hòa là sự linh hoạt, đặt cộng đồng vào vị trí trung tâm, gắn bảo tồn văn hóa với

phát triển sinh kế và coi không gian bản địa như hàng rào bảo vệ tính chân thực.

Nghiên cứu đã đưa ra khái niệm “ranh giới linh hoạt” như một cơ chế bảo tồn bền vững, bổ sung cách hiểu động về tính xác thực (authenticity) trong du lịch di sản. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh quyền chủ động văn hóa của cộng đồng Raglai thay vì thiên về quản lý nhà nước hoặc tác động thị trường. Bên cạnh đó, dữ liệu thực địa mới tại Khánh Hòa năm 2025 phản ánh sinh động quá trình cộng đồng Raglai vừa gìn giữ các yếu tố thiêng, vừa sáng tạo hình thức thích ứng với du lịch, qua đó cung cấp tư liệu bổ sung cho thảo luận học thuật về bảo tồn - phát huy di sản trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Tóm lại, nghiên cứu đã minh chứng rằng bảo tồn và phát huy văn hóa không loại trừ nhau, mà bổ trợ cho nhau trong tiến trình thương lượng bản sắc. Khi cộng đồng giữ vai trò trung tâm, ranh giới giữa nguyên bản và trình diễn có thể được duy trì như một không gian cân bằng: vừa bảo vệ di sản, vừa tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Đây chính là con đường hướng tới phát triển du lịch văn hóa bền vững ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

UNESCO: United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc)

ICOMOS: International Council on Monuments and Sites (Hội đồng Quốc tế về Di tích và Di chỉ)

GDP: Gross Domestic Product (Tổng sản phẩm quốc nội)

Lời cảm ơn

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả Ngô Thị Phương Lan: Diễn dã, hình thành ý tưởng bài viết, thảo luận, chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung.

Tác giả Nguyễn Mai Huy: diễn dã, thu thập thông tin, phỏng vấn sâu, viết nội dung bản thảo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. 2017;.
2. Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020: Phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030. 2020;.
3. Alfrey J, Putnam T. The industrial heritage: Managing resources and uses. London: Routledge; 1992.
4. Building a new heritage: Tourism, culture and identity in the new Europe. London: Routledge; 1994.

5. Leask A, Yeoman I. Heritage visitor attractions: An operations management perspective. London: Cassell; 1999. tr. 8.
6. Quang LV. Quản lý – Khai thác giá trị văn hóa ở các vùng văn hóa phục vụ phát triển du lịch. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia; 2013.
7. Liên NTK. Khai thác giá trị văn hóa trong phát triển du lịch. Văn hóa Nghệ thuật; 2017.
8. Tiêu LT. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam. vol. 250. Nxb Văn hoá Nghệ thuật; 2002. p. 3–9.
9. Đức Thịnh N. Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam. and others, editor. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội; 2006.
10. Thêm TN. Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam. and others, editor. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh; 1996.
11. Thêm TN, et al. Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai. and others, editor. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh; 2016.
12. Cầm H, Larsen PB. Revisiting agency and marginality in Northern Vietnam: thái Xòe between cosmology, heritage performance, and politics. *Journal of Vietnamese Studies* (Berkeley, Calif). 2025;20(3–4):98–128.
13. Geertz C. The interpretation of cultures. New York: Basic Books; 1973.
14. Singer M. When a great tradition modernizes: An anthropological approach to Indian civilization. New York: Praeger; 1972.
15. Turner V. Dramas, fields, and metaphors: Symbolic action in human society. Ithaca: Cornell University Press; 1974.
16. Turner V. From ritual to theatre: The human seriousness of play. New York: PAJ Publications; 1982.
17. Thể thao & Văn hóa. Nhận diện rõ giá trị văn hóa bản địa để thu hút phát triển du lịch; 2025. Available from: <https://thethaovanhoa.vn/nhan-dien-ro-gia-tri-van-hoa-ban-dia-de-thu-hut-phat-trien-du-lich-20250731192330765.htm>.
18. Báo Văn hoá. Cơ hội mới trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc Raglai; 2025. Available from: <https://baovanhoa.vn/dan-toc-ton-giao/co-hoi-moi-trong-viec-bao-ton-va-phat-huy-van-hoa-dan-toc-raglai-152667.html>.
19. Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nghị quyết số 1667/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Khánh Hòa năm 2025; 2025. Available from: xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-so-1667-nq-ubtvqh15-sap-xep-cac-dvhc-cap-xa-cua-tinh-khanh-hoa-nam-2025-119250616200424907.html.
20. undefined Cema gov vn. Cema.gov.vn. Người Raglai — Cộng đồng 54 dân tộc. Available from: <http://www.cema.gov.vn/gioi-thieu/cong-dong-54-dan-toc/nguoi-ra-glai.html>.
21. Biên PX, An P, Dốp PV, Nguyễn VC, Huệ NV. Văn hóa & xã hội người Raglai ở Việt Nam. and others, editor. Nxb Khoa học Xã hội; 1998.
22. Trí T. Đổi mới ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Thuận; 2023. Available from: <https://www.bienphong.com.vn/doi-moi-o-vung-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui-tinh-ninh-thuan-post469253.html>.
23. Ánh N. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc Raglai; 2024. Available from: <https://www.bienphong.com.vn/bao-ton-va-phat-huy-di-san-van-hoa-dan-toc-raglai-post481190.html>.
24. Cohen E. Authenticity and commoditization in tourism. *Annals of Tourism Research*. 1988;15(3):371–86.
25. Wang N. Rethinking authenticity in tourism experience. *Annals of Tourism Research*. 1999;26(2):349–70.
26. Hằng TTT. “Sự chân thật” của văn hóa trong du lịch: Biểu diễn cồng chiêng và sự kiến tạo văn hóa của người Lạch tại thị trấn Lạch Dương, huyện Lạch Dương, tỉnh Lâm Đồng. In: MN M, TH T, editors. Người Cơ Ho ở Lâm Đồng: Tiếp cận đa chiều. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội; 2024.
27. Thứ H, Trọng V. Ninh Thuận phát triển du lịch cộng đồng vùng đồng bào dân tộc Raglai; 2024. Available from: <https://vtv.vn/doi-song/ninh-thuan-phat-trien-du-lich-cong-dong-vung-dong-bao-dan-toc-raglai-20240624181507647.html>.
28. Phong N. Tìm giải pháp bảo tồn, phát triển văn hóa Raglai gắn với phát triển du lịch cộng đồng; 2025. Available from: <https://baovanhoa.vn/dan-toc-ton-giao/tim-giai-phap-bao-ton-phat-trien-van-hoa-raglai-gan-voi-phat-trien-du-lich-cong-dong-158103.html>.

The Boundary between Preservation through Maintaining Cultural Identity and Promotion through Performing Raglai Cultural Values in Khanh Hoa

Ngo Thi Phuong Lan , Nguyen Mai Huy *



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

In the context of globalization, the promotion of cultural values in tourism development is increasingly recognized as a dual solution: it contributes to the economic growth while preserving and affirming the national identity. However, one of the prominent challenges of this approach is determining the "boundary" between maintaining cultural authenticity or identity and performing culture in tourism activities. Through the qualitative fieldwork conducted in Bac Ai Tay commune, Khanh Hoa province (from June to August 2025) using participant observation and in-depth interviews, this study approaches Raglai culture as a living heritage that is continuously sustained and recreated within community life. The findings reveal that ethnic culture does not exist as an immutable entity but is reproduced and transmitted through diverse social practices. Drawing on Clifford Geertz's (1973) concept of cultural performance, the study interprets Raglai cultural values conveyed in tourism activities as a form of expression framed as a "cultural text." Accordingly, the contemporary Raglai culture can be understood as a symbolic system constructed by the ethnic group to both reinforce internal identity and communicate as well as share with the outside world. The analysis demonstrates that the "boundary" between identity and performance is not sharply delineated but constitutes a flexible zone of intersection: identity is preserved in sacred elements and the community's sense of self, while simultaneously being expanded and reconfigured into new expressive forms aligned with tourist preferences and socioeconomic conditions.

Key words: cultural identity, cultural performance, Raglai people, living heritage

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Nguyen Mai Huy , University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: nguyennmai@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 27-09-2025
- Revised: 03-12-2025
- Accepted: 25-12-2025
- Published Online: x

DOI : x



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : N T P L, N M H. The Boundary between Preservation through Maintaining Cultural Identity and Promotion through Performing Raglai Cultural Values in Khanh Hoa. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; x(x):x-x.